TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-ST
Ngày 13-8-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;

2. Ông Đỗ Thanh Đình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST-DS ngày 16-01-2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-DS ngày 26-4-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là S).

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường , quận, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Đức Thạch D, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng Giám đốc).

- Ông Lê Nguyễn Khoa N; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3892/2018/GUQ-PL ngày 03-12-2018).

- Ông Lê Nguyễn Khoa N uỷ quyền lại cho: Ông Nguyễn Nhật T; Nhân viên Ngân hàng TMCP S (Văn bản uỷ quyền số 452/2019/UQ-TTT ngày 20-3-2019). Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 10, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26-12-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Bảo Q có ký với S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 11-02-2010. Căn cứ thu nhập của ông Q, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Credit Card số 4720-7400-0094-1643 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.137.491 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho S số tiền 35.598.434 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Q vào ngày 16-02-2012 và chuyển toàn bộ dư nợ còn sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 13-8-2019, ông Q còn nợ tổng số tiền là 45.729.060 đồng, trong đó nợ gốc là 11.602.932 đồng, lãi quá hạn là 34.126.128 đồng.

Nay S yêu cầu ông Nguyễn Bảo Q có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ trên và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14-8-2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn ông Nguyễn Bảo Q không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 26, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 471,473, 474, 476n và 477 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S:

- Buộc ông Nguyễn Bảo Q thanh toán cho S số tiền 45.729.060 đồng tính đến ngày 13-8-2019; trong đó tiền nợ gốc là 11.602.932 đồng, lãi quá hạn là 34.126.128 đồng và yêu cầu ông Q trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho S.

- Về phần án phí dân sự ông Q phải chịu trên tổng số tiền phải trả cho S theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Bảo Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Bảo Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng ông Q không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của S và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do S cung cấp có tại hồ sơ thì ngày 11-02-2010 ông Nguyễn Bảo Q có ký với Ngân hàng TMCP S, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Bảo Q đã sử dụng thẻ tín dụng Credit Card số 4720-7400-0094-1643 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.137.491đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho S tổng số tiền là 35.598.434 đồng. Tính đến ngày 13-8-2019, ông Q còn nợ S tổng số tiền là 45.729.060 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 11.602.932 đồng, lãi quá hạn là 34.126.128 đồng. Vì vậy, có cơ sở xác định ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết với S nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Bảo Q có nghĩa vụ trả cho S tổng số tiền tính đến ngày 13-8-2019 là 45.729.060 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 11.602.932 đồng, lãi quá hạn là 34.126.128 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng sử sụng thẻ tín dụng đã ký từ ngày 14-8-2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận

[4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S nên ông Q phải chịu 2.286.000 đồng (45.729.060 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc ông Nguyễn Bảo Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 45.729.060 đồng, trong đó nợ gốc là 11.602.932 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.126.128 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Bảo Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Bảo Q phải chịu 2.286.000đ (Hai triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 951.142đ (Chín trăm năm mươi mốt nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0040282 ngày 11-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND TP. Q;*
- *Chi cục THADS TP. Q;*
- *Chi cục THADS Q., TP. Hồ Chí Minh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa